



VinaCert

www.vinacert.vn

director@vinacert.vn

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐÀM BẢO VSATTP CSSX THỨC ĂN CHĂN NUÔI; ATTP, VỆ SINH THÚ Y VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CSSX THỨC ĂN CÔNG NGHIỆP NUÔI THỦY SẢN

V00-21

Revision: 02

Date of issue: 01/08/2017

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ DOCUMENT REVISION LOG

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ Revision summary
02/05/2016	- Ban hành lại
08/03/2017	- Sửa các form ĐKCN ĐKSX, Báo cáo ĐG ĐKSX, Mẫu GCN ĐKSX
01/8/2017	<ul style="list-style-type: none">- Sửa đổi tên quy trình ở trang 1, tên tắt của quy trình ở phần header mỗi trang (thêm TATS)- Mục 1: Bổ sung tài liệu tham khảo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP- Mục 2.: Bổ sung nội dung Cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản- Mục 3: Sửa đổi viết tắt ĐKSX TACN, ĐKSX TATS; Bổ sung và sửa đổi các định nghĩa, khái niệm theo nghị định số 39/2017/NĐ-CP- Mục 4: Bổ sung từ "thủy sản" theo khái niệm của NĐ 39/2017/NĐ-CP- Mục 4.1: + Bổ nội dung yêu cầu đối với chuyên gia đánh giá "đảm bảo 26h lý thuyết và 8h thực hành"<ul style="list-style-type: none">+ Mục a): Bổ sung yêu cầu về trình độ học vấn các ngành học chăn nuôi, thủy sản+ Mục b): Chuyển yêu cầu về đào tạo quy trình này về mục b; Bổ yêu cầu phải được đào tạo về QCVN 02-15:2009/BNNPTNT; Sửa đổi các QCVN 01-10, Thành QCVN 01-183:2016/BNNPTNT+ Mục c): Bổ sung nội dung chứng chỉ do cơ quan có thẩm quyền cấp; Bổ sung nội dung CGĐG được đào tạo kỹ năng đánh giá theo ISO 19011 (quy định trong V01-08+ Mục d): Kinh nghiệm làm việc: Sửa quy định "trong đó có ít nhất 1 năm làm việc trong lĩnh vực chăn nuôi hoặc thực phẩm" thành "có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực chăn nuôi hoặc thủy sản.+ Mục e): Bổ sung hoặc chuyên gia có năng lực kỹ thuật tương ứng; Thay đổi từ kinh nghiệm 2 năm trong hoạt động đánh giá chứng nhận thành kinh nghiệm 2 năm trong hoạt động đánh giá sự phù hợp;- Mục 4.1.3: Điểm KPH nặng (M): sửa "tổ chức phải có kế hoạch thực hiện HĐKP" thành "tổ chức phải thực hiện HĐKP hiệu lực"- Mục 4.1.2: Điều chỉnh và bổ sung xem xét hợp đồng thành xem xét đăng ký chứng nhận- Mục 4.2.1: Sửa đổi người lấy mẫu phải có thể lấy mẫu do Cục chăn nuôi cấp thành người lấy mẫu phải có thể lấy mẫu do cơ quan có thẩm quyền cấp- Mục 4.2.2.1 sửa thành Đánh giá sơ bộ: Không áp dụng trừ khi có đề nghị từ khách hàng- Bổ sung mục 4.2.2.3 Quyết định chứng nhận, cấp Giấy chứng nhận và các điểm kiểm soát, biểu mẫu kèm theo, đổi mục 4.2.2.3 cũ thành 4.2.2.4- Phụ lục 1: Làm rõ Ngày công đánh giá tối thiểu cho một cơ sở chỉ chứng nhận riêng rẽ ĐKSX; Bổ sung viện dẫn quy định tính ngày công đánh giá theo phụ lục 3 V00-10.- Phụ lục 2: Bổ sung nhóm 4 - trường hợp đánh giá giám sát ĐKSX khách hàng- F00-21-04 Báo cáo đánh giá chứng nhận ĐKSXTACN: Sửa đổi tên báo cáo thành Báo cáo đánh giá ĐKSX TACN, TATS; Bổ nội dung Mã khách hàng ở mục 1. Các thông tin chung; Bổ sung mục tiêu đánh giá; Bổ sung kết luận ... P/45 đối với ĐG ĐKSX TATS- F00-21-05: Sửa tên biểu mẫu thành QUYẾT ĐỊNH CẤP CHỨNG CHỈ ĐKSX TACN, TATS; Ghi rõ tên loại quyết định cho từng đối tượng- F00-21-07: Viết rõ tiêu đề form cho ĐKSX TACN, TATS, Nêu rõ QCVN cho sản phẩm TACN trong mục 5; Bổ sung mục 7. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn chứng nhận, mục 8 Loại hình đăng ký chứng nhận, sửa nội dung mục 11 từ cam kết tuân thủ quy định về chứng nhận sản phẩm thành cam kết tuân thủ quy định về chứng nhận HTQL- F00-21-08: Ghi rõ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Ghi mã Giấy chứng nhận

Chức danh/ Position	Duyệt/Approved by Tổng giám đốc/ Director General	Soát xét/ Checked by Giám đốc chứng nhận/ Certification Director	Soạn/Compiled by Giám đốc chứng nhận/ Certification Director
Ký tên/ Signature			
Họ và tên/ Full name	Nguyễn Hữu Dũng	Đặng Thị Hương	Đặng Thị Hương

1. TÀI LIỆU THAM KHẢO

V00-10: Quy trình đánh giá;

QCVN 01 - 77 : 2011/BNNPTNT Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại- Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

QCVN 02 - 14:2009/BNNPTNT - Cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường

Nghị định số 39/2017/NĐ-CP – Quản lý về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI

2.1 Đưa ra các yêu cầu, thủ tục liên quan tới:

- Nguồn lực con người trong các hoạt động liên quan tới xem xét hợp đồng, đánh giá;
- Đánh giá điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại - ĐKSX.

2.2 Quy trình này chỉ đưa ra những điểm khác biệt, mang tính đặc trưng cơ bản của việc đánh giá điều kiện sản xuất cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, Cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản.

3. VIẾT TẮT VÀ ĐỊNH NGHĨA:

Viết tắt:

PCN: Certification Department: Phòng chứng nhận;

KD: Kinh doanh

ĐKSX TACN: Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.

ĐKSX TATS: Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản.

Định nghĩa

- **Thức ăn chăn nuôi, thủy sản:** là những sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống (hoặc bổ sung vào môi trường nuôi đối với thức ăn thủy sản) ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bảo quản bao gồm thức ăn dinh dưỡng và thức ăn chức năng ở các dạng: Nguyên liệu, thức ăn đơn, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc thức ăn bổ sung, phụ gia thức ăn và các sản phẩm bổ sung vào môi trường nuôi (đối với thức ăn thủy sản) nhằm tạo thức ăn tự nhiên, ổn định môi trường nuôi tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. (Nghị định số 39/2017/NĐ-CP)

+ **Thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại** là các thức ăn chăn nuôi, thủy sản được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán trên thị trường. (Nghị định số 39/2017/NĐ-CP)

+ **Thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản:** được hiểu là loại thức ăn được chế biến ở dạng viên khô có thời hạn bảo quản dài ngày và thuận lợi khi sử dụng; được sản xuất ở các nhà máy với quy mô công nghiệp. (QCVN 02-14:2009/BNNPTNT).

- **An toàn thực phẩm** đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản là các điều kiện và biện pháp cần thiết để đảm bảo thức ăn chăn nuôi, thủy sản không gây hại cho sức khỏe của vật nuôi, con người sử dụng sản phẩm chăn nuôi (Nghị định số 39/2017/NĐ-CP)

- **Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thủy sản** bao gồm các hoạt động sản xuất, gia công, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản: (Nghị định số 39/2017/NĐ-CP)

+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản là việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hoạt động sản xuất, chế biến, san chia, bao gói, bảo quản, vận chuyển thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

+ Gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản là quá trình thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công đoạn sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt hàng

4. NỘI DUNG:

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
<p>4.1 YÊU CẦU VÀ THỦ TỤC</p> <p>4.1.1 Yêu cầu chung</p> <p>Chuyên gia đánh giá điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản ngoài việc phải thỏa mãn được các yêu cầu trong V01-08 và được đào tạo theo V00-06 thì phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Trình độ học vấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học ngành chăn nuôi/thú y/sinh học chăn nuôi (với đánh giá ĐKSX TACN, ngành nuôi trồng thủy sản/bệnh thủy sản/thú y thủy sản/sinh học thủy sản (đối với đánh giá ĐKSX TATS). <p>b) Đào tạo về kiến thức ĐKSX TACN, ĐKSX TATS: Chuyên gia đánh giá phải được đào tạo về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức chung về Vệ sinh an toàn thực phẩm và / hoặc HACCP / ISO 22000. - Các yêu cầu của QCVN 01-77:2011/BNNPTNT đối với ĐKSX TACN; QCVN 02 - 14:2009/BNNPTNT đối với ĐKSX TATS. - Các yêu cầu của QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đối với ĐKSX TACN - Các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 9964:2014 - Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú; TCVN 10300:2014 - Thức ăn hỗn hợp cho cá tra và cá rô phi; TCVN 10301:2014 - Thức ăn hỗn hợp cho cá giò và cá vược; TCVN 10325:2014 - Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ chân trắng, và các tiêu chuẩn/tài liệu kỹ thuật có liên quan. - Các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi (Nghị định số 39/2017/NĐ-CP và các văn bản liên quan); - Các chuyên gia đánh giá phải được tập huấn quy trình này. <p>❖ Chuyên gia đánh giá phải có bằng chứng được đào tạo theo các nội dung trên.</p> <p>c) Đào tạo về kỹ năng đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo kỹ năng đánh giá theo ISO 19011 (quy định trong V01-08); - Chuyên gia đánh giá phải có chứng chỉ chuyên gia đánh giá ISO 9001 hoặc ISO 22000/HACCP hoặc tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp <p>d) Kinh nghiệm làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chăn nuôi hoặc thủy sản. <p>e) Kinh nghiệm đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia đánh giá phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong hoạt động đánh giá sự phù hợp; - Tham gia đánh giá chứng nhận về hệ thống quản lý liên quan đến an toàn thực phẩm cho ít nhất 2 tổ chức dưới sự quản lý của chuyên gia đánh giá trưởng đoàn hoặc chuyên gia có năng lực kỹ thuật tương ứng; - Các chuyên gia đánh giá có khả năng áp dụng các kỹ thuật, kiến thức và kỹ năng đối với những lĩnh vực về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi: - Các chương trình tiên quyết PRPs cho lĩnh vực thức ăn chăn nuôi 	<p>Lựa chọn chuyên gia có đủ năng lực được phê duyệt code phù hợp.</p>	<p>Nhân viên PCN Chuyên gia đánh giá</p>

NỘI DUNG		Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được các mối nguy và các điểm kiểm soát; - Các phương pháp sử dụng để xác định, thực hiện và quản lý các biện pháp kiểm soát (PRPs và CPs) và khả năng đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp đo lường đã lựa chọn; - Sự khắc phục và hành động khắc phục được tiến hành để hạn chế mối nguy đối với thức ăn chăn nuôi và môi trường; 			
<p>4.1.2 Xem xét hợp đồng, xem xét Đăng ký chứng nhận:</p> <p>Giá trị hợp đồng đánh giá giá xem phụ lục 2. Thời lượng đánh giá xem phụ lục 1.</p> <p>Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chứng nhận của khách hàng theo F00-21-07, PCN tiến hành xem xét đăng ký chứng nhận.</p> <p>Cá nhân thực hiện xem xét đăng ký chứng nhận phải được đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các yêu cầu của nội dung b, mục 4.1.1 quy trình này; - Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản; 			Nhân viên phòng kinh doanh Nhân viên PCN
<p>4.1.3 Phân loại sự không phù hợp:</p> <p>Phát hiện đánh giá ĐKSX được chia thành 5 loại: Phù hợp; khuyến cáo (Ob); không phù hợp nhẹ (minor NC-N); không phù hợp nặng (major NC-M) và Tới hạn (Critical NC-C). Với mỗi loại được nhận diện và áp dụng chế tài sau:</p>		Phân loại phát hiện đúng	Chuyên gia đánh giá
Loại phát hiện ĐG	Mô tả	Chế tài	
		Chứng nhận	Giám sát
P	Đáp ứng yêu cầu quy chuẩn	Đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu
OB	+ Tại thời điểm đánh giá chưa đủ bằng chứng để kết luận đó là điểm KPH; + là những kiến nghị cải tiến của chuyên gia để hệ thống quản lý ĐKSX của tổ chức ngày càng hoàn thiện hơn	Tổ chức không có nghĩa vụ phải thực hiện. Tuy nhiên, VICB sẽ xem xét các kiến nghị cải tiến này trong lần đánh giá giám sát gần nhất.	Như chứng nhận
N	+ Sự không đáp ứng yêu cầu quy chuẩn nhưng không ảnh hưởng đến hệ thống và sự phù hợp của SP; + Sự không đáp ứng yêu cầu hệ thống tài liệu mà tổ chức đã thiết lập;	Tổ chức phải thực hiện hành động khắc phục. Chỉ cấp chứng chỉ sau khi HDKP được chấp nhận.	Tổ chức phải có kế hoạch thực hiện HDKP. HDKP sẽ được thẩm tra tại lần đánh giá giám sát gần nhất.
M	+ Là sự không đáp ứng yêu cầu quy chuẩn gây ảnh hưởng	Tổ chức phải thực hiện hành động khắc phục.	Tổ chức phải thực hiện HDKP có hiệu lực, cam

NỘI DUNG				Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
	đền chất lượng vệ sinh an toàn sản phẩm; + Có sự không phù hợp nhẹ mang tính hệ thống. Tính hệ thống là: có hơn 3 NC nhẹ tại một bộ phận hoặc có cùng 1 NC nhẹ trên 3 bộ phận;	<i>Chỉ cấp chứng chỉ sau khi HĐKP được chấp nhận. Có thể phải đánh giá bổ sung</i>	<i>kết thời hạn hoàn thành và chuyển bằng chứng khi hoàn thành HĐKP. Đến thời điểm cam kết chưa hoàn thành HĐKP thì đình chỉ chứng chỉ</i>		
C	Là sự không tuân thủ yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật gây ảnh hưởng đến chất lượng vệ sinh an toàn sản phẩm, Môi trường và người lao động	<i>Cam kết thời điểm hoàn thành HĐKP tại cuộc họp kết thúc. Bắt buộc phải đánh giá bổ sung để thẩm tra HĐKP</i>	Đình chỉ hiệu lực chứng chỉ cho đến khi có đủ bằng chứng đã tuân thủ		
4.2. Đánh giá . Ngoài việc tuân thủ V00-10: Quy trình đánh giá, hoạt động đánh giá chứng nhận còn phải tuân thủ các yêu cầu riêng sau:				Như V00-10	Như V00-10
4.2.1 Yêu cầu lấy mẫu: Khi đánh giá điều kiện sản xuất kết hợp với đánh giá chứng nhận hợp quy sản phẩm TACN/TATS thì người lấy mẫu phải có thể lấy mẫu do cơ quan có thẩm quyền cấp.				Người lấy mẫu được chỉ định	Chuyên gia đánh giá / Người lấy mẫu
4.2.2 Các yêu cầu khác 4.2.2.1 Đánh giá sơ bộ: Không áp dụng trừ khi có đề nghị từ khách hàng 4.2.2.2 Đánh giá chính thức: Chuyên gia đánh giá xem xét đến ĐKSX, các điều kiện PRPs, việc tuân thủ và hiệu lực thực thi kế hoạch ĐKSX, PRPs. Trong quá trình đánh giá, chuyên gia đánh giá sử dụng phiếu ghi chép đánh giá theo: + F00-21-02: Ghi chép đánh giá chứng nhận điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại; + F00-21-03: Ghi chép đánh giá chứng nhận điều kiện sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản; Việc ghi chép biểu mẫu này xem V02-05 Hướng dẫn đánh giá chứng nhận điều kiện sản xuất. Trưởng đoàn lập báo cáo đánh giá chứng nhận ĐKSX theo F00-21-04.					Chuyên gia đánh giá F00-21-02 / F00-21-03 F00-21-04.
4.2.2.3 Quyết định chứng nhận, cấp Giấy chứng nhận <i>PCN lập phiếu thẩm tra hồ sơ theo F00-10-12, trình Giám đốc chứng nhận ra quyết định chứng nhận. Thông báo kết quả chứng nhận cho khách hàng theo F00-10-13. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu chứng nhận, cấp Quyết định chứng nhận theo F00-21-05, Giấy chứng nhận theo F00-21-08</i>					PCN F00-21-05 F00-21-08
4.2.2.4 Đánh giá giám sát: Chu kỳ đánh giá giám sát phụ thuộc vào bản chất sản phẩm sản xuất và mức độ nguy cơ nhưng không quá 12 tháng. Mẫu báo cáo đánh giá giám sát					

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
ĐKSX: F00-21-06		

5. TRÁCH NHIỆM, ĐÀO TẠO VÀ NHẬN THỨC

Như V00-10.

6. HỒ SƠ:

TT	Tên	Mã số	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Đăng ký chứng nhận HQ ĐKSX	F00-21-07	PCN	6 năm
2.	Chương trình đánh giá	F00-10-01	PCN	6 năm
3.	Kế hoạch đánh giá	F00-10-03	PCN	6 năm
4.	Báo cáo đánh giá chứng nhận/giám sát ĐKSX	<u>F00-21-04</u>	PCN	6 năm
5.	Phiếu ghi chép đánh giá ĐKSX thức ăn chăn nuôi	<u>F00-21-02</u>	PCN	6 năm
6.	Phiếu ghi chép đánh giá ĐKSX thức ăn thủy sản	F00-21-03	PCN	6 năm
7.	Danh sách tham dự	F00-10-04	PCN	6 năm
8.	Phiếu nhận xét của chuyên gia kỹ thuật	F00-10-10	PCN	6 năm
9.	Kiến nghị cấp/duy trì GCN	F00-10-12	PCN	6 năm
10.	Thông báo kết quả đánh giá	F00-10-13	PCN	6 năm
11.	Phiếu theo dõi xử lý hồ sơ	F00-10-14	PCN	6 năm
12.	Quyết định chứng nhận ĐKSX	F00-21-05	PCN	6 năm
13.	Giấy chứng nhận ĐKSX	F00-21-08	PCN	6 năm

7. BẢO MẬT

Nhân viên và chuyên gia VICB có trách nhiệm đảm bảo mọi thông tin dưới bất kỳ hình thức nào về khách hàng đều được bảo mật, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản do người có thẩm quyền của Khách hàng cũng như VICB.

8. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ngày công đánh giá điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi

- Tính ngày công đánh giá tối thiểu theo Phụ lục 3 V00-10.
- Ngày công đánh giá tối thiểu phải bao gồm cả đánh giá sơ bộ (nếu có) và đánh giá chính thức của đánh giá chứng nhận ban đầu, không kể thời gian chuẩn bị đánh giá.
- Ngày công đánh giá tối thiểu chỉ xác định trong việc đánh giá hệ thống ĐKSX;
- Thời gian đánh giá giám sát tối thiểu phải bằng một phần ba thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu, nhưng không ít hơn 1 ngày công đánh giá. Thời gian đánh giá lại bằng hai phần ba thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu, nhưng không ít hơn 1 ngày đánh giá.
- Những nhân tố khác có thể phải tăng thời gian đánh giá như: tổng số loại sản phẩm, Multisite, khoảng cách giữa các site....
- Ngày công đánh giá tối thiểu cho một cơ sở chỉ chứng nhận riêng rẽ ĐKSX (kể cả các site) là 02 manday;

- Khi đánh giá điều kiện sản xuất, kết hợp với đánh giá giám sát/ chứng nhận sản phẩm TACN/TATS thì thời gian đánh giá điều kiện sản xuất tối thiểu 1 manday.

Phụ lục 2: Giá trị tối thiểu hợp đồng đánh giá chứng nhận, giám sát điều kiện sản xuất TACN

- Nhóm 1: KH chưa có hoặc đã có nhưng hết hiệu lực hay bị đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ chứng nhận sản phẩm hợp quy;
- Nhóm 2: KH đã có chứng chỉ chứng nhận sản phẩm hợp quy còn hiệu lực không do VICB cấp;
- Nhóm 3: KH đã có chứng chỉ chứng nhận sản phẩm hợp quy còn hiệu lực do VICB cấp;
- Nhóm 4: KH đã có chứng chỉ ĐKSX, có chứng chỉ sản phẩm hợp quy do VICB cấp còn hiệu lực

	Đối tượng khách hàng	Mức phí tối thiểu (x 1000 000 VND)	Ghi Chú
Nhóm 1	Chỉ ĐG chứng nhận hợp quy ĐKSX	20	Cộng thêm 50% giá trị cho mỗi site thêm
	Kết hợp ĐG chứng nhận hợp quy ĐKSX với chứng nhận HQSP	40	Cộng thêm 50% giá trị cho mỗi điểm thêm
Nhóm 2	Chỉ ĐG chứng nhận hợp quy ĐKSX	30	Cộng thêm 50% giá trị cho mỗi điểm thêm
	Kết hợp ĐG chứng nhận ĐKSX với đánh giá lại HQSP	35	
Nhóm 3	Kết hợp ĐG chứng nhận ĐKSX với đánh giá giám sát HQSP	50% phí ĐG CN HQĐKSX	Cộng thêm 10-50% giá trị cho mỗi điểm thêm
Nhóm 4	Chỉ ĐG giám sát HQĐK	10	
	Kết hợp ĐG giám sát ĐKSX và ĐG giám sát HQSP	15	